

CƠ CHẾ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG TẠI VIỆT NAM

FINANCIAL MONITORING MECHANISM FOR TELECOM STATE OWNED ENTERPRISES IN VIETNAM

Đinh Thị Kim Xuyên

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến Tòa soạn ngày 15/ 11/2016, chấp nhận đăng ngày 12/12/2016

Tóm tắt: Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn nhà nước là nhiệm vụ quan trọng của quá trình đổi mới, trong đó viễn thông là một trong những lĩnh vực nhận được sự quan tâm đặc biệt. Bên cạnh những mặt đã đạt được trong công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực viễn thông thì công tác này cũng đang cho thấy còn nhiều hạn chế về tổ chức giám sát đánh giá liên quan đến yếu tố đặc thù của ngành mà cơ chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn nhà nước mà Đảng và Chính phủ đề ra.

Từ khóa: Giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có vốn nhà nước, viễn thông.

Abstract: Financial supervision and business operation efficiency evaluation of SOEs are important missions in the renovation process, in which telecommunications is taken the most special care. Besides the achievements of the field, there still exists some limitations in the evaluation and supervision regimes related to the industry speciality. In fact, the evaluation and supervision regimes of SOEs operation efficiency are promoted by the Vietnamese Party and Government.

Keywords: Financial supervision, business operation evaluation, SOEs, telecommunications.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giám sát tài chính, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là nhiệm vụ quan trọng của quá trình đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước ở nước ta trong bối cảnh Đảng, Chính phủ đang đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Một trong những lĩnh vực hiện nay được Đảng, Chính phủ đang đẩy mạnh tái cơ cấu phải kể đến là lĩnh vực viễn thông. Đây là một trong những lĩnh vực trọng tâm trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Vì vậy việc nghiên cứu, đánh giá cơ chế giám sát tài chính và đánh

giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tại Việt Nam hiện nay là cần thiết để có những giải pháp góp phần ngày càng hoàn thiện hơn các cơ chế, chính sách tài chính, hạn chế rủi ro, thất thoát trong quản lý, đầu tư.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng được đề cập đến để nghiên cứu cơ chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn

nhà nước hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Thông tin và truyền thông. Thông qua phương pháp thống kê, khảo sát thực tế, phân tích, tổng hợp và phương pháp chuyên gia tại các doanh nghiệp là công ty mẹ, các tập đoàn kinh tế và các tổng công ty (bao gồm: Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Viễn thông MobiFone, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam, Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện) do Bộ quản lý ngành quyết định thành lập hoặc được giao quản lý để chỉ ra thực trạng giám sát tài chính và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các doanh nghiệp này. Đồng thời cũng chỉ ra những mặt hạn chế làm cơ sở để xây dựng và hoàn thiện cơ chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tại Việt Nam.

3. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG TẠI VIỆT NAM

3.1. Mô hình tổ chức triển khai

Ngày 01/7/2014, Luật Doanh nghiệp mới chính thức có hiệu lực thi hành, cùng với đó là Nghị định 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp có hiệu lực quy định về cơ chế phân công phân cấp, Bộ Thông tin và Truyền thông đã tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các quyền, nghĩa vụ được phân công phân cấp đối với chủ sở hữu của các doanh nghiệp ngành thông tin và truyền thông đang quản lý. Ngay từ khi Nghị định 99/2012/NĐ-CP của Chính phủ ban hành và có hiệu lực, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chủ động rà soát chức năng, nhiệm vụ của

Bộ quản lý ngành được phân công phân cấp trong việc thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu để xây dựng chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức bộ máy để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thành lập Vụ Quản lý doanh nghiệp với mục tiêu chuyên môn hoá công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, từng bước tách bạch chức năng đại diện chủ sở hữu với chức năng quản lý nhà nước và phù hợp với thông lệ quốc tế. Sau hơn 1 năm thành lập, mô hình quản lý này đã phát huy được nhiều ưu điểm trong việc thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước, bảo đảm nắm bắt được thông tin về hoạt động của các doanh nghiệp này, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý các công việc liên quan và vấn đề phát sinh. Các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông đã được quản lý, giám sát chặt chẽ hơn về cơ chế, đồng thời cũng xử lý tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách, hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.2. Cơ chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tại Việt Nam

3.2.1. Cơ chế giám sát tài chính

Căn cứ quy chế về giám sát tài chính hiện hành, Bộ Thông tin và Truyền thông định kỳ xây dựng kế hoạch giám sát tài chính hàng năm và 6 tháng, tổ chức triển khai thực hiện tại các doanh nghiệp, tổng hợp kết quả giám sát tài chính gửi Bộ Tài chính theo quy định. Giám sát tài chính được thực hiện theo phương thức kết hợp giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong và giám sát sau. Trong đó đặc biệt coi trọng việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các yếu tố tích cực, tiêu cực, hạn chế về tài chính và quản lý tài chính

của doanh nghiệp để khuyến nghị, chỉ đạo, cảnh báo kịp thời cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc kiểm tra, thanh tra được thực hiện theo định kỳ hoặc đột xuất và tuân thủ theo quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp. Các nội dung giám sát bao gồm:

- (1) Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.
- (2) Giám sát hoạt động tài chính đối với công ty con, công ty liên kết.
- (3) Giám sát vốn của doanh nghiệp đầu tư ra nước ngoài.
- (4) Giám sát tài chính đặc biệt.
- (5) Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong doanh nghiệp.

3.2.2. Cơ chế đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch tài chính và đánh giá hiệu quả đã được Bộ Thông tin và Truyền thông giao, doanh nghiệp thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động (gọi chung là báo cáo xếp loại doanh nghiệp) gửi Bộ Thông tin và Truyền thông kết quả để thẩm định căn cứ 5 chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp gồm:

- (1) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác.
- (2) Chỉ tiêu 2: Lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu.
- (3) Chỉ tiêu 3: Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- (4) Chỉ tiêu 4: Chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, về tín dụng, ngân hàng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, về lao động, tiền lương, an sinh xã hội, về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

(5) Chỉ tiêu 5: Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

Việc phân loại xếp loại theo mức độ A, B, C trên cơ sở đánh giá xếp loại các chỉ tiêu theo quy định. Kết quả xếp loại doanh nghiệp hàng năm được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố quyết định xếp loại sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính, đồng thời là căn cứ để chấp thuận phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng quỹ khen thưởng viên chức quản lý và đánh giá viên chức quản lý hàng năm.

3.3. Đánh giá thực trạng

3.3.1. Kết quả đạt được

a. Về giám sát tài chính

Thực hiện các cơ chế, chính sách của Nhà nước về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ đã triển khai có hiệu quả công tác quản lý tài chính doanh nghiệp theo đúng quy định. Điều hành tốt công tác lập, xây dựng và phê duyệt kế hoạch tài chính bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng chiến lược phát triển của ngành, đảm bảo duy trì tốt năng suất lao động và năng lực sản xuất kinh doanh.

➤ Về giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

Nguồn vốn chủ sở hữu nhà nước về cơ bản được các doanh nghiệp quản lý, sử dụng có hiệu quả, bảo toàn và phát triển được nguồn vốn chủ sở hữu. Hệ số bảo toàn vốn các doanh nghiệp viễn thông, bưu chính (VNPT, MobiFone, VNPost) đều đạt hệ số >1.

Riêng đối với VTC trong giai đoạn 2014-2015 kinh doanh thua lỗ ở mức -4.401.079.768 đồng ảnh hưởng lớn đến các chỉ tiêu về an toàn tài chính và bảo toàn vốn

chủ sở hữu nhà nước. Cho đến nay, lỗ lũy kế giảm 50% từ -4.401.079.768 đồng còn -2.202.955.021 đồng.

Về tài sản: Cơ cấu tài sản về cơ bản duy trì cơ cấu phù hợp giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn, không có biến động lớn và có xu hướng tốt hơn khi cải thiện dần cơ cấu tăng tích lũy từ tài sản dài hạn và giảm dần tài sản ngắn hạn tương ứng với nợ ngắn hạn cũng có xu hướng giảm.

➤ Về giám sát vốn đầu tư của doanh nghiệp

Đối với công tác đầu tư phát triển, Bộ Thông tin và Truyền thông đã thẩm định và phê duyệt 300 danh mục dự án đầu tư nhóm A, B với giá trị 20.195 tỷ đồng, hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp viễn thông và bưu chính tập trung đẩy nhanh tiến độ đầu tư mạng lưới và cung cấp dịch vụ như đã cam kết.

Đối với công tác bàn giao chia tách tài sản tài chính, Bộ Thông tin và Truyền thông đã chỉ đạo quyết liệt triển khai thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu VNPT và Đề án tái cơ cấu VTC. Theo đó thực hiện bàn giao, chia tách tài sản, tài chính giữa Tổng công ty VTC và Đài truyền hình VTC; bàn giao các trường học, bưu điện trung ương về các bộ, ngành và địa phương quản lý với tổng số vốn đã thực hiện bàn giao là trên 12.000 tỷ đồng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

b. Về hiệu quả sản xuất kinh doanh

➤ Về doanh thu và thu nhập khác

Trong giai đoạn phát triển 2014-2016, cùng với những kết quả tích cực từ Đề án tái cơ cấu tại các doanh nghiệp, bên cạnh những khó khăn, thách thức từ môi trường kinh tế vĩ mô vừa qua, các doanh nghiệp trong ngành vẫn duy trì được mức tăng trưởng hợp lý. Tính đến hết năm 2015, các doanh nghiệp thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông (VNPT,

MobiFone, VNPost, VTC) đạt doanh thu xấp xỉ 82.068 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng khoảng 12%. Số liệu cụ thể được trình bày trong bảng 1.

➤ Về lợi nhuận thực hiện và tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu

So với tốc độ tăng trưởng GDP cả nước (6,5%-7%), tốc độ tăng trưởng 12% phản ánh tích cực hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của kinh tế ngành thông tin và truyền thông trong phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Hết năm 2015, lợi nhuận của VNPT, MobiFone, VNPost, VTC đạt 7.727 tỷ đồng và tính đến hết 6 tháng đầu năm 2016, lợi nhuận của 4 đơn vị này đạt 3.905 tỷ đồng, số liệu cụ thể được trình bày trong Bảng 1. Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân trong cả giai đoạn thực hiện khoảng 7% đều đạt và vượt kế hoạch giao của chủ sở hữu.

➤ Về thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao

Nhằm tuyên truyền sâu rộng tới cộng đồng xã hội về các vấn đề hiện đang được quan tâm như thảm họa thiên tai, nông nghiệp nông thôn, thông tin đối ngoại và đặc biệt là tuyên truyền tới cộng đồng kiều bào Việt Nam ở nước ngoài, Tổng công ty VTC đã cung cấp 04 kênh phát thanh truyền hình theo đơn đặt hàng của Bộ Thông tin và Truyền thông. Chất lượng dịch vụ đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kỹ thuật, phục vụ tốt cho người xem và được đánh giá cao về nội dung chương trình.

➤ Về tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích

Thị phần các doanh nghiệp thông tin và truyền thông mặc dù đang trong giai đoạn thực hiện tái cơ cấu toàn diện, gặp nhiều hạn chế nhưng về cơ bản trong suốt giai đoạn 2014-2016 vẫn tiếp tục duy trì ổn định mức tăng trưởng hợp lý, bám sát định hướng chiến lược phát triển của ngành thông tin và truyền

thông đến năm 2020. Cụ thể: dịch vụ điện thoại cố định là 76,5% đối với VNPT; dịch vụ viễn thông di động 2G và 3G là trên 49% bao gồm cả Vinaphone và MobiFone; internet băng rộng là 56,3% đối với VNPT; internet băng rộng 3G là 49,8% bao gồm cả Vinaphone và MobiFone; dịch vụ truyền hình cáp là 16% đối với VNPT; dịch vụ truyền hình số vệ tinh là 20,3% đối với VTC; dịch vụ bưu chính là 35,9% đối với VNPost.

3.3.2. Tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được thì giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tại Việt Nam vẫn còn những tồn tại, hạn chế.

➤ Về cơ chế, chính sách

Một là hệ thống các tiêu chí giám sát tài chính chưa phản ánh toàn diện về tình hình tài chính, hệ thống chế tài chưa có quy định cụ thể và rõ ràng đối với các trường hợp vi phạm, đồng thời phải gắn với quyền và trách nhiệm của từng chủ thể giám sát: Doanh nghiệp, chủ sở hữu và cơ quan quản lý về tài chính doanh nghiệp để đảm bảo sự bình đẳng giữa các chủ thể.

Hai là cơ chế quản lý lương thưởng và thù lao còn hạn chế và chưa được quy định rõ ràng cụ thể.

Ba là các doanh nghiệp có vốn nhà nước hoạt động trong lĩnh vực viễn thông tại Việt Nam chưa làm rõ được một số các chỉ tiêu quy định trong cơ chế công bố thông tin.

➤ Về một số yếu tố đặc thù liên quan đến kinh tế ngành đòi hỏi để đưa vào cơ chế giám sát tài chính

Bên cạnh việc triển khai cơ chế quản lý giám sát tài chính các doanh nghiệp của ngành thông tin và truyền thông theo các quy định chung trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp còn có nhiều yếu tố đặc thù ngành cần đưa

vào quản lý giám sát, phù hợp với chuẩn mực đánh giá về hiệu quả và năng lực hoạt động như: cơ chế hạch toán doanh thu thuê bao điện thoại trả trước và thuê bao trả sau, doanh thu khuyến mại, tốc độ tăng trưởng doanh thu, thị phần, đầu tư ra nước ngoài hay việc xác định doanh thu, lợi nhuận các dịch vụ liên doanh liên kết trong chuỗi doanh thu toàn cầu với các đối tác nước ngoài... Những khoảng trống này đòi hỏi cần thiết phải được thể chế hoá trong công tác quản lý giám sát tài chính đối với các doanh nghiệp thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông để tạo dựng khung khổ pháp lý đầy đủ trong công tác quản lý doanh nghiệp tại Bộ Thông tin và Truyền thông, góp phần hoàn thiện chính sách quản lý doanh nghiệp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

4. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CƠ CHẾ GIÁM SÁT TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG TẠI VIỆT NAM

4.1. Về cơ chế, chính sách

➤ Về cơ chế đầu tư vốn nhà nước và quản lý tài chính

Cơ chế đầu tư vốn nhà nước và quản lý tài chính quy định tại Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Cần bổ sung:

Một là chỉ tiêu “Bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp” và có hướng dẫn cụ thể như sau:

Căn cứ vào chỉ tiêu lãi, lỗ của doanh nghiệp theo báo cáo tài chính để đánh giá mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp thông qua chỉ tiêu hệ số bảo toàn vốn của doanh nghiệp (hệ số H) được xác định như sau:

$$H = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo}}{\text{Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cuối kỳ trước liền kề với kỳ báo cáo}}$$

Khi xác định hệ số bảo toàn vốn theo quy định nêu trên, doanh nghiệp phải loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự thay đổi vốn trong kỳ báo cáo như: vốn nhà nước đầu tư bổ sung cho doanh nghiệp, vốn nhà nước điều chuyển từ nơi khác đến.

- Đối với doanh nghiệp có lãi hoặc không lỗ, mức độ bảo toàn vốn của doanh nghiệp được xác định theo hệ số H:

- Hệ số $H = 1$: doanh nghiệp bảo toàn được vốn.

- Hệ số $H > 1$: doanh nghiệp đã phát triển được vốn.

- Đối với doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ (hệ số $H < 1$), hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty phải có báo cáo gửi chủ sở hữu và Bộ Tài chính về nguyên nhân thua lỗ không bảo toàn được vốn. Chủ sở hữu căn cứ tình hình lỗ của doanh nghiệp quyết định thực hiện giám sát tài chính hoặc giám sát tài chính đặc biệt đối với doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Việc xử lý lỗ của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của Pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Hai là chỉ tiêu Phân phối lợi nhuận và trích lập sử dụng các quỹ.

Ba là quản lý đầu tư tài chính dài hạn:

- Kiểm tra hiệu quả sử dụng các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

- Kiểm tra hiệu quả sử dụng khoản đầu tư tài chính khác.

➤ Về cơ chế quản lý lương thưởng và thù lao

Cơ chế quản lý lương thưởng và thù lao quy định tại Nghị định 51/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với viên chức quản lý tại doanh nghiệp nhà nước; Nghị định 50/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người lao động tại doanh nghiệp nhà nước cần bổ sung một số chỉ tiêu cụ thể sau:

- Quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng của viên chức quản lý và người lao động.

- Năng suất lao động bình quân.

- Mức tiền lương bình quân, mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý và người lao động.

- Số viên chức quản lý, người lao động.

➤ Một số các chỉ tiêu quy định trong cơ chế công bố thông tin

Một số các chỉ tiêu quy định trong cơ chế công bố thông tin quy định tại Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 cụ thể sau:

- Tình hình thực hiện thoái vốn tại các doanh nghiệp phải thực hiện thoái vốn tại công ty mẹ.

- Tình hình thực hiện cổ phần hoá.

- Tình hình thực hiện giao, bán, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, phá sản.

- Quy định các số liệu đánh giá về tài chính bao gồm số liệu tài chính của công ty mẹ và số liệu tài chính hợp nhất.

4.2. Một số các chỉ tiêu liên quan đến tính đặc thù ngành

Các yếu tố liên quan đến đặc thù ngành cần đưa vào giám sát bao gồm:

- Doanh thu viễn thông xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 21/2013/TT-BTTTT làm cơ sở để xác định mức thu nộp vào quỹ dịch vụ viễn thông công ích.

- Doanh thu trả trước và doanh thu trả sau trong dịch vụ viễn thông.

- Xác định, hạch toán chi phí khuyến mại.

- Doanh thu quốc tế chiều về đối với các dịch vụ viễn thông và bưu chính quốc tế.

5. KẾT LUẬN

Việc nghiên cứu xây dựng các cơ chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn Nhà

nước, đặc biệt là các doanh nghiệp hoạt động lĩnh vực thông tin và truyền thông là một vấn đề tương đối khó và phức tạp. Vì vậy, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Đảng, Chính phủ và các cơ quan, đơn vị liên quan nhằm nâng cao sức cạnh tranh hướng tới

mục tiêu phát triển bền vững, tạo tiền đề vững chắc góp phần thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020 của Việt Nam.

Bảng 1. Doanh thu, lợi nhuận năm 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 tại các đơn vị

(Đơn vị tính: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	6 tháng đầu năm 2016
I. Doanh thu	82,067,802,233,115	41,619,120,247,434
1. VNPost	8,810,000,000,000	4,560,779,730,640
2. VNPT	41,824,320,000,000	19,792,457,000,000
3. Mobifone	31,387,527,022,274	16,200,000,000,000
4. VTC	45,955,210,841	1,065,883,516,794
II. Lợi nhuận sau thuế	7,726,610,673,952	3,905,116,134,813
1. VNPost	230,000,000,000	62,098,562,189
2. VNPT	2,012,867,000,000	1,282,600,000,000
3. Mobifone	5,481,234,549,205	2,500,000,000,000
4. VTC	2,509,124,747	60,417,572,624

(Nguồn: Báo cáo tài chính các năm)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Temasek Review 2009;3. Summary of Corporate Plan for 2010-2014 and Capital Budget for 2010-CDIC-Canada.
- [2] Summary of Corporate Plan for 2010-2014 and Capital Budget for 2010-CDIC-Canada.
- [3] Đoàn Ngọc Phúc. Luận án: *Nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa ở Việt Nam*, 2014.
- [4] Nguyễn Văn Phúc. Luận án: *Giải pháp tài chính nâng cao hiệu quả kinh doanh cho các doanh nghiệp xây dựng thuộc Tổng công ty Sông Đà*, 2016.
- [5] Các trang web:
<http://www.mic.gov.vn/Pages/TinTuc/132204/Bo-TT-TT-so-ket-cong-tac-6-thang-dau-nam-2016.html>
<https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=621&idmid=&ItemID=15853>

Thông tin liên hệ:

Đinh Thị Kim Xuyên

Điện thoại: 0917386622 - Email: Dtkxuyen@uneti.edu.vn

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

